

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HS-PT

Ngày: 16 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tăng Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thiết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Nhật T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Nguyễn Nhật T**, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H; có vợ Trần Thị Mộng T1 và 01 người con; tiền án: không.

- **Tiền sự:** ngày 01/8/2023, bị Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 116/QĐ-XPHC, bị cáo chưa nộp phạt.

- **Nhân thân:**

+ Ngày 26/01/2007, bị Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định số 522/QĐ-UBND.

+ Ngày 18/7/2011, bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND.

+ Ngày 09/11/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 94/2015/HSPT, chấp hành án xong ngày 16/02/2016; nộp án phí xong tháng 9/2017.

+ Ngày 29/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 50/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 24/7/2017; nộp án phí xong ngày 26/9/2017.

Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, đại diện theo pháp luật của bị hại Công ty Cổ phần C là ông Nguyễn Văn T2; người đại diện của ông T2 là ông Nguyễn Hỷ K; đại diện theo pháp luật của bị hại Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện L là ông Nguyễn Tấn P1 và người đại diện của ông P1 là ông Võ Văn N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị H không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Nhật T, nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy và không có nghề nghiệp. Ngày 01/8/2023, bị cáo T bị Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định số 116/QĐ-XPHC, bị cáo chưa chấp hành quyết định. Vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo T nảy sinh ý định đi tìm tài sản lấy trộm đem bán để lấy tiền mua ma túy. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: khoảng 01 giờ ngày 25/12/2023 bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63R1-9900 lưu thông trên Quốc lộ A tìm tài sản lấy trộm; bị cáo T mang theo 01 cây kềm hiệu Kapusi, 01 cây kềm hiệu Meifa, 01 cây búa, 01 con dao, 01 ống điều mười để làm công cụ trộm cắp tài sản. Khi đến cầu Ô thuộc ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo T nhìn thấy 01 dây điện chiếu sáng cáp loại đồng nhãn hiệu TTTCOC/8LPE/DSTA/DVC 3x22+1x16SQMN nằm trên mặt đất nên bị cáo T dùng kềm và dao cắt 01 đoạn dài 8,6m; sau đó để lên xe điều khiển chở về nhà. Khi đến khu vực xã T, huyện T, bị cáo T bị Công an xã T phát hiện. Qua làm việc, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội.

Theo kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận: 8,6 mét dây điện chiếu sáng cáp loại đồng hiệu TTTCOC/8LPE/DSTA/DVC 3x22+1x16SQMN có giá trị 2.464.588 đồng.

Vụ thứ hai: khoảng 06 giờ ngày 11/01/2024, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 69F2-7748 đi tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo T đem theo 01 cây kèm cộng lực, 01 lưỡi cưa lục giác, 01 chìa khóa làm công cụ trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực khóm T, phường T, thành phố V; bị cáo T dừng xe tại trụ đèn chiếu sáng, dùng tay bới đất xung quanh trụ điện sau đó dùng kèm cắt 03 đoạn dây điện đem lên xe điều khiển tìm nơi tiêu thụ thì bị công an phường T phát hiện. Qua làm việc, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Theo kết luận định giá tài sản số 06/HĐĐGTSTTHS ngày 03/02/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V, kết luận: 5,85 mét dây điện có vỏ bọc, ruột bằng đồng, đường kính 0,4cm có giá trị 180.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: bị cáo đã thỏa thuận và bồi thường cho Phòng kinh tế và hạ tầng huyện L số tiền 2.464.000 đồng, bồi thường cho Công ty cổ phần C số tiền 180.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 69F2-7748; 01 cây kèm hiệu Kapusi, 01 cây kèm hiệu Meifa, 01 cây búa, 01 con dao, 01 ống điều mười, 01 cây kèm cộng lực, 01 lưỡi cưa, 01 cây lục giá và 01 chìa khóa.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Nhật T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 5 năm 2024, bị cáo Nguyễn Nhật T có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày: xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, chính trị, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có thân nhân xấu, 02 lần bị Tòa án xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 01/8/2024 bị Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, bị cáo chưa nộp phạt nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản”, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Bản án sơ thẩm đã áp dụng hết các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để tuyên phạt bị cáo; mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tại phiên tòa bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để xem

xét cho bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót. Từ nhận định trên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 12/2024/HSST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Nguyễn Nhật T nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trong hạn luật định là hợp lệ, được chấp nhận và xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, việc thay đổi kháng cáo của bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời thừa nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại; cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: bị cáo Nguyễn Nhật T là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp; ngày 03/7/2023, bị cáo T bị Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng, bị cáo chưa chấp hành quyết định; để có tiền mua ma túy và tiêu xài cá nhân, bị cáo T đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của người khác, cụ thể: khoảng 01 giờ ngày 25/12/2023, bị cáo T đã có hành vi lén lút dùng kìm, dao cắt trộm 01 đoạn dây điện chiếu sáng cấp loại đồng nhãn hiệu TTTCoc/8LPE/DSTA/DVC 3x22+1x16SQMN dài 8,6m của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện L, có giá trị theo định giá là 2.464.588 đồng và khoảng 06 giờ ngày 11/01/2024, bị cáo T có hành vi lén lút dùng kìm cắt trộm 03 đoạn dây điện tổng chiều dài 5,85 mét của Công ty cổ

phần C, có giá trị theo định giá là 180.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Nhật T, nhận thấy: hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần Tòa án xét xử về hành vi “Trộm cắp tài sản” và có 01 tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng sau khi chấp hành án xong bị cáo không tu chí làm ăn để tạo ra tài sản hợp pháp mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo, nên cần xét xử bị cáo mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo; khi quyết định hành phạt cho bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ để tuyên phạt bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót, tuy nhiên, mức án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: do không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T, nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 12/2024/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Nhật T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND H L: 02;
- VKSND + CQĐT H L: 02;
- CQTHADS +THAHS H L: 02;
- TG + BC: 02;
- PHSCAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND, CA xã T1, huyện T: 02;
- Lưu VP, P.KTNV: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Ngừng